

**THÔNG BÁO PHẠT NGUỘI CHẠY QUÁ TỐC ĐỘ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH**

Từ ngày 06/7/2026 đến ngày 12/7/2026

STT	Biển số	Tuyến đường	Thuộc địa bàn (xã/phường)
1	30K-79550	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
2	99E- 00266	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
3	99B-24825	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
4	99B-15410	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
5	99A-96226	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
6	99A-92940	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
7	99A-74661	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
8	99A-56192	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
9	99A-12346	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
10	99A-08194	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
11	98LD-00756	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
12	98A-85003	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
13	98A-70707	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
14	98A-10643	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
15	36H-15521	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
16	30L-18026	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
17	30K-58396	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
18	30F-53531	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
19	30B-14011	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
20	30A-51108	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
21	29R-08203	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
22	29E-52617	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
23	29C-88207	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
24	29A-17631	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
25	19H-10737	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
26	12A-08572	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
27	30G-38400	Quốc lộ 1	xã Tiên Du
28	30G-673.39	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
29	99B-397.33	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
30	99A725.99	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
31	99A-361.24	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
32	99A-357.60	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
33	30K-756.51	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
34	89H-057.09	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
35	29E-682.05	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
36	29D-013.78	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành

37	99C-307.06	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
38	29A-937.50	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
39	15K-581.51	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
40	99C-268.82	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
41	30A-375.81	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
42	99A-723.39	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
43	99B-242.50	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
44	34C-444.53	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
45	99A-830.97	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
46	99A-585.68	Km12+800 QL17	phường Thuận Thành
47	15A-413.08	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
48	29E59232	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
49	29E-600.94	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
50	29H-765.70	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
51	29H-861.99	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
52	35A-621.66	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
53	37N-8928	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
54	99A-928.18	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
55	19H-100.05	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
56	20A-679.41	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
57	29E-108.43	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
58	30L-520.81	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
59	30M-027.93	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
60	34A-985.42	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
61	38H-042.44	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
62	99A-523.17	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
63	15K-063.12	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
64	30K-145.97	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
65	99C-069.98	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
66	30H-108.06	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
67	29C-598.72	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
68	29H-500.91	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
69	30G-214.24	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
70	30H-972.09	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
71	29E-494.04	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
72	30E-764.81	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
73	30F-285.95	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
74	17A-722.21	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
75	30K968.94	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
76	29A-357.32	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
77	30E-467.80	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu

78	30G-197.22	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
79	30F-387.52	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
80	19H-075.94	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
81	29E-786.51	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
82	29H-325.52	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
83	99E-012.64	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
84	36A-947.47	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
85	29K-094.63	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
86	29E-482.75	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
87	30G-194.85	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
88	18H-038.13	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
89	29H-442.06	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
90	99A-574.36	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
91	29K-112.74	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
92	29E-389.19	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
93	29H-089.78	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
94	30G-111.86	Km7, Quốc lộ 17	Phường Song Liễu
95	99AA-384.80	QL1A	Xã Lạng Giang
96	98B2-478.62	QL1A	Xã Lạng Giang
97	99AA-046.96	QL1A	Xã Lạng Giang
98	29R-045.98	QL1A	Xã Lạng Giang
99	12X1-185.85	QL1A	Xã Lạng Giang
100	89H-027.57	QL1A	Xã Lạng Giang
101	12H1-365.35	QL1A	Xã Kép
102	12D1-161.13	QL1A	Xã Kép
103	12VA-020.97	QL1A	Xã Kép
104	12A-115.03	QL1A	Xã Kép
105	20D1-055.84	QL1A	Xã Kép
106	98M1-087.16	QL1A	Xã Kép
107	12LA-085.57	QL1A	Xã Kép
108	12X1-242.77	QL1A	Xã Kép
109	98AB-126.30	QL1A	Xã Kép
110	98A-540.82	DT291	Tuần Đạo
111	98A-911.23	DT291	Tuần Đạo
112	98C-130.41	DT291	Tuần Đạo
113	97A-045.03	DT291	Tuần Đạo
114	98A-186.38	DT291	Tuần Đạo
115	98B-023.14	DT291	Tuần Đạo
116	98C-272.94	DT291	Tuần Đạo
117	98A-562.59	DT291	Tuần Đạo
118	34A-260.14	DT291	Tuần Đạo

119	99B-341.32	DT291	Tuần Đạo
120	99B-111.70	DT291	Tuần Đạo
121	18A-279.66	DT291	Tuần Đạo
122	98B-054.40	DT291	Tuần Đạo
123	98B-106.27	DT291	Tuần Đạo
124	99A-982.91	DT291	Tuần Đạo
125	30H-458.89	DT291	Tuần Đạo
126	98A-949.09	DT291	Tuần Đạo
127	98C-198.24	DT291	Tuần Đạo
128	12A-204.55	DT291	Tuần Đạo
129	98h-007.37	DT291	Tuần Đạo
130	18A-279.66	DT291	Tuần Đạo
131	98A-688.31	DT291	Tuần Đạo
132	12D-008.31	DT291	Tuần Đạo
133	98C-141.01	DT291	Tuần Đạo
134	98A-734.68	DT291	Tuần Đạo
135	98A-077.44	DT291	Tuần Đạo
136	98B-129.82	DT291	Tuần Đạo
137	30N-6521	DT291	Tuần Đạo
138	89A-362.56	DT291	Tuần Đạo
139	98C-323.41	DT291	Tuần Đạo
140	98A-169.55	DT291	Tuần Đạo
141	98A-606.15	DT291	Tuần Đạo
142	37A-134.91	DT291	Tuần Đạo
143	98F-002.36	QL31	Sơn Động
144	30E-016.21	Km 14 QL 31	Lục Nam
145	99B-186.44	Km 14 QL 31	Lục Nam
146	98A-705.78	Km 14 QL 31	Lục Nam
147	98A-491.99	Km 14 QL 31	Lục Nam
148	29C-199.98	Km 14 QL 31	Lục Nam
149	99A-503.48	Km 14 QL 31	Lục Nam
150	98C-265.60	Km 14 QL 31	Lục Nam
151	98A-755.35	Km 14 QL 31	Lục Nam
152	98A-296.62	Km 20+500 QL 31	Lục Nam
153	98A-870.42	Km 20+500 QL 31	Lục Nam
154	99C-275.10	Km 20+500 QL 31	Lục Nam
155	98A-464.66	Km 20+500 QL 31	Lục Nam
156	99A-221.25	Km 31+250 ĐT 293	Nghĩa Phương
157	99B-169.83	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
158	99B-186.44	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh

159	99B-212.91	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
160	30L-459.59	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
161	98A-358.06	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
162	99B-216.37	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
163	30M-5668	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
164	98A405.25	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
165	28A-245.37	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
166	17A-350.43	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
167	98A-708.40	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
168	61K-289.57	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
169	98A-560.90	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
170	98A-953.45	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
171	98C-331.20	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
172	98A-492.88	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
173	15A-724.88	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
174	50E-324.97	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
175	30M-979.39	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
176	98A-639.99	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
177	29C-666.92	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
178	29C-522.20	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
179	30H-214.89	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
180	98A-492.31	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
181	29E-596.82	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
182	90C-115.43	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
183	30K-153.54	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
184	99A-856.16	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
185	99B-156.92	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
186	29H-854.72	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
187	98A-860.11	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
188	98H-0863	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
189	30A-653.95	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
190	98A-679.31	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
191	99B-290.07	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
192	88A-504.02	Quốc lộ 31	Xã Tân Dĩnh
193	98AA-199.05	ĐT 293	Phường Tân An
194	98B3-682.87	ĐT 293	Phường Tân An
195	98F1-22069	ĐT 293	Phường Tân An
196	99AA-782.54	ĐT 293	Phường Tân An
197	14C-384.14	ĐT 398	Phường Yên Dũng
198	98A-130.73	ĐT 398	Phường Yên Dũng
199	98A-917.34	ĐT 398	Phường Yên Dũng

200	98B2-892.03	ĐT 398	Phường Yên Dũng
201	14B-049.32	ĐT 398	Phường Yên Dũng
202	15K-798.59	ĐT 398	Phường Yên Dũng
203	30F-836.53	ĐT 398	Phường Yên Dũng
204	89A-579.18	ĐT 398	Phường Yên Dũng
205	99B-082.84	ĐT 398	Phường Yên Dũng
206	34A-522.07	ĐT 398	Phường Yên Dũng
207	98A-475.19	ĐT 398	Phường Yên Dũng
208	98A-738.88	ĐT 398	Phường Yên Dũng
209	98G1-119.68	ĐT 398	Phường Yên Dũng
210	98G1-145.17	ĐT 398	Phường Yên Dũng
211	99AA-621.68	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
212	24H8-204.41	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
213	98L1-146.37	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
214	98AD-048.55	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
215	11AK-010.71	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
216	98A-328.98	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
217	98K1-379.02	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
218	98B3-124.17	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
219	25AA-434.64	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
220	98AH-085.11	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
221	98A-824.64	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
222	99AA-844.44	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
223	98C1-123.71	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
224	98E1-855.99	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
225	12D1-185.27	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
226	22FA-012.04	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
227	98B3-130.38	Km 18+100 ĐT295B	Phường Nénh, Bắc Ninh
228	30L-387.47	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
229	30G-224.69	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
230	30E-368.17	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
231	30B-281.74	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
232	30A-338.26	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
233	29H-706.04	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
234	98H1-355.58	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
235	98A-841.51	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
236	89E1-628.64	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
237	30M-507.20	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
238	30K-965.65	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
239	30K-504.33	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
240	29E-260.63	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên

241	29E-218.66	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
242	29AB-788.91	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
243	29e-203.47	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
244	98A-851.81	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
245	99E1-416.64	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
246	98A-538.86	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
247	88H-8713	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
248	67E1-404.11	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
249	29C-610.28	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
250	98A-391.88	KM 76 + 00 Quốc Lộ 17	Xã Tân Yên
251	98AA-212.20	KM 76 + 00 Quốc Lộ 17	Xã Tân Yên
252	98B1-697.66	KM 76 + 00 Quốc Lộ 17	Xã Tân Yên
253	15B-254.26	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
254	17A-296.25	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
255	98B3-960.24	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
256	98H1-197.73	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
257	30E-217.16	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
258	30L-857.99	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
259	98B2-999.44	Km5 + 00 Đường tỉnh 298	Xã Tân Yên
260	99D1-309.61	Km 90+200 QL17	Xã Yên Thế, Tỉnh Bắc Ninh
261	30F-203.76	Km 90+200 QL17	Xã Yên Thế, Tỉnh Bắc Ninh
262	98C1-194.16	Km 90+200 QL17	Xã Yên Thế, Tỉnh Bắc Ninh
263	98Y2-0435	Km 90+200 QL17	Xã Yên Thế, Tỉnh Bắc Ninh
264	99A-608.04	Km 90+200 QL17	Xã Yên Thế, Tỉnh Bắc Ninh
265	20C-142.13	Km 90+200 QL17	Xã Yên Thế, Tỉnh Bắc Ninh
266	98N3-7947	Km 90+200 QL17	Xã Yên Thế, Tỉnh Bắc Ninh
267	99AA-057.97	Km 90+200 QL17	Xã Yên Thế, Tỉnh Bắc Ninh
268	99AA-548.95	Km 90+200 QL17	Xã Yên Thế, Tỉnh Bắc Ninh
269	30A-049.05	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
270	98C1-244.03	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
271	99A-278.79	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
272	99AA-465.50	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
273	99C1-603.58	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
274	99D1-490.97	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
275	99G1-665.85	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
276	15K-552.70	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
277	29F1-499.95	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
278	29S1-591.99	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
279	30G-460.29	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
280	30H-716.72	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
281	99B-170.61	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường

282	99E1-657.54	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
283	99G1-642.67	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
284	12L1-140.94	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
285	34C1-218.98	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
286	59A3-257.81	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
287	89B1-298.66	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
288	97B2-007.25	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
289	99G1-289.26	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
290	99H-069.84	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
291	21CA-090.06	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
292	30F-673.45	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
293	99AA-338.05	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
294	99C1-609.79	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
295	99E1-460.68	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
296	99F1-451.51	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
297	99G1-120.18	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
298	21B2-069.79	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
299	22B2-490.01	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
300	99A-784.21	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
301	99AA-121.78	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
302	99B-026.32	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
303	99B-310.83	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
304	99E1-487.57	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Võ Cường
305	47P1- 051.39	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
306	99A- 753.04	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
307	99A- 851.07	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
308	17AC- 075.51	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
309	99D1- 20144	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
310	99A- 394.64	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
311	99AD- 652.39	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
312	21H-018.96	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
313	99E-011.61	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
314	99A-580.39	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
315	30K7-3966	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
316	99D1-231.28	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
317	29B-422.67	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
318	99A-803.68	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
319	99E-012.68	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
320	30M-414.85	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
321	99AA-216.97	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
322	88E-009.97	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh

323	89A-666.41	Tỉnh lộ 286	Xã Tam Đa, Bắc Ninh
324	99B-39965	Quốc lộ 1	xã Liên Bảo, Bắc Ninh
325	99A-12399	Quốc lộ 1	xã Liên Bảo, Bắc Ninh
326	99H-12373	Quốc lộ 1	xã Liên Bảo, Bắc Ninh
327	99B-13259	Quốc lộ 1	xã Liên Bảo, Bắc Ninh
328	99A-13669	Quốc lộ 1	xã Liên Bảo, Bắc Ninh
329	99A-90249	Quốc lộ 1	xã Liên Bảo, Bắc Ninh
330	36K-60743	Quốc lộ 1	xã Liên Bảo, Bắc Ninh
331	99A-67672	Quốc lộ 1	xã Liên Bảo, Bắc Ninh
332	12D-00858	Quốc lộ 1	xã Liên Bảo, Bắc Ninh
333	99A-46700	Quốc lộ 1	xã Liên Bảo, Bắc Ninh
334	89A-84634	Quốc lộ 1	xã Liên Bảo, Bắc Ninh
335	99H-12375	Quốc lộ 1	xã Liên Bảo, Bắc Ninh
336	99A-61751	Quốc lộ 1	xã Liên Bảo, Bắc Ninh
337	30L - 38793	TL284	Lâm Thao
338	34B2 - 88105	TL284	Lâm Thao
339	99B1 - 20381	TL284	Lâm Thao
340	99H1 - 15074	TL284	Lâm Thao
341	99H1 - 32498	TL284	Lâm Thao
342	99K1 - 38676	TL284	Lâm Thao
343	30B - 01157	TL284	Lâm Thao
344	34A - 98724	TL284	Lâm Thao
345	50E - 55954	TL284	Lâm Thao
346	99A - 19888	TL284	Lâm Thao
347	99A - 58956	TL284	Lâm Thao
348	99A - 59925	TL284	Lâm Thao
349	99D1 - 46288	TL284	Lâm Thao
350	99F1 - 36799	TL284	Lâm Thao
351	99H1 - 28917	TL284	Lâm Thao
352	99K1 - 11145	TL284	Lâm Thao
353	99K1 - 27089	TL284	Lâm Thao
354	99K1 - 35885	TL284	Lâm Thao
355	99K1 - 41072	TL284	Lâm Thao
356	15A - 28737	QL17	Gia Bình
357	15F - 02053	QL17	Gia Bình
358	29E - 03736	QL17	Gia Bình
359	30B - 02527	QL17	Gia Bình
360	89A - 81598	QL17	Gia Bình
361	98A - 24006	QL17	Gia Bình
362	99A - 43435	QL17	Gia Bình

363	99A - 96589	QL17	Gia Bình
364	99B - 39663	QL17	Gia Bình
365	99C - 10717	QL17	Gia Bình
366	99B-17204	KM 11+500, QL18	Quế Võ
367	17A-60757	KM 11+500, QL18	Quế Võ
368	15A-91897	KM 11+500, QL18	Quế Võ
369	99H-02129	KM 11+500, QL18	Quế Võ
370	21H-01968	KM 11+500, QL18	Quế Võ
371	99H-11461	KM 11+500, QL18	Quế Võ
372	98B-12890	KM 11+500, QL18	Quế Võ
373	99A-61950	KM 11+500, QL18	Quế Võ
374	30G-97307	KM 11+500, QL18	Quế Võ
375	15H-18737	KM 11+500, QL18	Quế Võ
376	30B-14510	KM 11+500, QL18	Quế Võ
377	15H-18738	KM 11+500, QL18	Quế Võ
378	99A-43351	KM 11+500, QL18	Quế Võ
379	99A-76254	KM 11+500, QL18	Quế Võ
380	34A-60680	KM 11+500, QL18	Quế Võ
381	88B-08284	KM 11+500, QL18	Quế Võ
382	99A-75255	KM 11+500, QL18	Quế Võ
383	29K-02970	KM 11+500, QL18	Quế Võ
384	24A-27869	KM 11+500, QL18	Quế Võ
385	99A-77211	KM 11+500, QL18	Quế Võ
386	30K-28448	Km 6+800, QL18	Phương Liễu
387	30K-37071	Km 6+800, QL18	Phương Liễu
388	99C-20958	Km 6+800, QL18	Phương Liễu
389	99A-74555	Km 6+800, QL18	Phương Liễu
390	20C-30905	Km 6+800, QL18	Phương Liễu
391	15A-57331	Km 6+800, QL18	Phương Liễu
392	30M-53093	Km 6+800, QL18	Phương Liễu
393	30G-15272	Km 6+800, QL18	Phương Liễu
394	99B-18280	Km 6+800, QL18	Phương Liễu
395	30G-99475	Km 6+800, QL18	Phương Liễu
396	30F-42731	Km 6+800, QL18	Phương Liễu
397	30F-24275	Km 6+800, QL18	Phương Liễu
398	15C-360.82	TL287	Đại Đồng
399	29E-459.32	TL287	Đại Đồng
400	99A-289.88	TL287	Đại Đồng
401	30B-170.19	TL287	Đại Đồng
402	99A-540.15	TL287	Đại Đồng
403	29H-978.25	TL287	Đại Đồng

404	30F-683.78	TL287	Đại Đồng
405	34A-474.70	TL287	Đại Đồng
406	99B-264.28	TL287	Đại Đồng
407	30B-214.34	TL287	Đại Đồng
408	99A-443.49	TL287	Đại Đồng
409	19H-100.97	TL287	Đại Đồng
410	99A-787.38	TL287	Đại Đồng
411	29K-243.14	TL287	Đại Đồng
412	21H-024.11	TL287	Đại Đồng
413	29D-334.25	TL287	Đại Đồng
414	99H-047.59	TL287	Đại Đồng
415	99A-271.81	TL287	Đại Đồng
416	99A-805.57	TL287	Đại Đồng
417	14A-816.30	TL287	Đại Đồng
418	99C-217.07	TL287	Đại Đồng
419	14A-978.70	TL287	Đại Đồng
420	29C-176.42	TL287	Đại Đồng
421	30G-677.75	TL287	Đại Đồng
422	89E-001.90	TL287	Đại Đồng
423	89C-314.23	TL287	Đại Đồng
424	30K-112.29	TL287	Đại Đồng
425	99B-095.58	TL287	Đại Đồng
426	30K-720.79	TL287	Đại Đồng
427	30H-494.67	TL287	Đại Đồng
428	30S-5406	TL287	Đại Đồng
429	99A-756.47	TL287	Đại Đồng
430	76A-119.71	TL287	Đại Đồng
431	30M-469.23	TL287	Đại Đồng
432	99A-250.23	TL287	Đại Đồng
433	37K-571.97	TL287	Đại Đồng
434	99C-286.08	TL287	Đại Đồng
435	98A-703.85	TL287	Đại Đồng
436	99A-194.99	TL287	Đại Đồng
437	99H-133.97	TL287	Đại Đồng
438	99A-884.48	TL287	Đại Đồng
439	99A-062.34	TL287	Đại Đồng
440	30G-842.48	TL287	Đại Đồng
441	29E-216.67	TL287	Đại Đồng
442	99A-754.61	TL287	Đại Đồng
443	99A-264.25	TL287	Đại Đồng
444	98A-366.69	Km 30+600, QL31	Phượng Sơn, Bắc Ninh

445	34H-04916	Km 30+600, QL31	Phượng Sơn, Bắc Ninh
446	89A-17698	Km 30+600, QL31	Phượng Sơn, Bắc Ninh
447	29E-60323	Km 30+600, QL31	Phượng Sơn, Bắc Ninh
448	98C-35443	Km 30+600, QL31	Phượng Sơn, Bắc Ninh
449	89A-06891	Km 30+600, QL31	Phượng Sơn, Bắc Ninh
450	99A-17329	Km 30+600, QL31	Phượng Sơn, Bắc Ninh
451	98A-52896	Km 30+600, QL31	Phượng Sơn, Bắc Ninh
452	98A-335.62	Km 42+300, QL31	Chũ, Bắc Ninh
453	98A-44004	Km 42+300, QL31	Chũ, Bắc Ninh
454	34A-44870	Km 42+300, QL31	Chũ, Bắc Ninh
455	88A-70853	Km 42+300, QL31	Chũ, Bắc Ninh
456	98E1-55639	Km 42+300, QL31	Chũ, Bắc Ninh
457	98A-80306	Km 42+300, QL31	Chũ, Bắc Ninh
458	98B-08932	Km 42+300, QL31	Chũ, Bắc Ninh
459	98A-18877	Km 42+300, QL31	Chũ, Bắc Ninh
460	AA-40-33	Km 42+300, QL31	Chũ, Bắc Ninh
461	29H-17755	Km 42+300, QL31	Chũ, Bắc Ninh
462	99F1-659.38	Km 42+300, QL31	Chũ, Bắc Ninh
463	98AD-043.52	Km 42+300, QL31	Chũ, Bắc Ninh
464	98B1-16173	Km 42+300, QL31	Chũ, Bắc Ninh
465	29E-389.85	Km 06+900, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
466	98A-722.65	Km 06+900, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
467	29A-882.74	Km 7+00, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
468	98A-426.51	Km 7+00, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
469	30M-9856	Km 7+00, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
470	15C-292.02	Km 83+600, Quốc lộ 37	xã Hiệp Hoà, Bắc Ninh
471	98B-030.15	Km 83+600, Quốc lộ 37	xã Hiệp Hoà, Bắc Ninh
472	98A-770.44	Km 83+600, Quốc lộ 37	xã Hiệp Hoà, Bắc Ninh
473	20F-000.01	Km 06+900, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
474	30K-139.25	Km 06+900, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
475	98B-120.76	Km 7+00, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
476	99B-330.97	Km 7+00, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
477	29E-133.04	Km 7+00, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
478	99B-158.95	Km 7+00, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
479	30A-609.32	Km 7+00, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
480	98A-590.88	Km 06+900, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
481	98F-004.84	Km 06+900, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
482	98A-187.66	Km 06+900, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
483	98A-803.72	Km 83+600, Quốc lộ 37	xã Hiệp Hoà, Bắc Ninh
484	51D-817.76	Km 83+600, Quốc lộ 37	xã Hiệp Hoà, Bắc Ninh
485	30A-715.60	Km 83+600, Quốc lộ 37	xã Hiệp Hoà, Bắc Ninh

486	99B-254.06	Km 06+900, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
487	29A-805.07	Km 06+900, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
488	88A-680.67	Km 06+900, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
489	98A-841.12	Km 7+00, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
490	98A-304.35	Km 7+00, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
491	98C-317.90	Km 7+00, ĐT 296	xã Hợp Thịnh, Bắc Ninh
492	30H-26555	QL17	Mão Điền
493	29H-97356	QL17	Mão Điền
494	29C-18384	QL17	Mão Điền
495	99B-27339	QL17	Mão Điền
496	36H-16085	QL17	Mão Điền
497	30B22987	QL17	Mão Điền
498	99A-50196	QL17	Mão Điền
499	30L-37867	QL17	Mão Điền
500	30L-75039	QL17	Mão Điền
501	99C-17233	QL17	Mão Điền
502	99A-89868	QL17	Mão Điền
503	20A-80675	QL17	Mão Điền
504	34A-56312	QL17	Mão Điền
505	29E-51870	QL17	Mão Điền
506	99A-88007	QL17	Mão Điền
507	89D-01925	QL17	Mão Điền
508	30G-82269	QL17	Mão Điền
509	99A-10983	QL17	Mão Điền
510	18A-44007	QL17	Mão Điền
511	35A-77193	QL17	Mão Điền
512	29C-79605	QL17	Mão Điền
513	29D-30468	QL17	Mão Điền
514	99B-25597	QL17	Mão Điền
515	29A-48987	QL17	Mão Điền
516	30M-07373	QL17	Mão Điền
517	99B-03554	QL17	Mão Điền
518	29A-09288	QL17	Mão Điền
519	99C-29270	QL17	Mão Điền
520	99B-08164	QL17	Mão Điền
521	99A-22101	QL17	Mão Điền
522	29E-59370	QL17	Mão Điền
523	99A-87172	QL17	Mão Điền
524	99H-15446	QL17	Mão Điền
525	29E-12975	QL17	Mão Điền
526	30L-86505	QL17	Mão Điền

527	29E-05849	QL17	Mão Điền
528	99A-36851	QL17	Mão Điền
529	30A-50742	QL17	Mão Điền
530	99A-58568	QL17	Mão Điền
531	30H-91979	QL17	Mão Điền
532	99CD-00083	QL17	Mão Điền
533	99A-31999	QL17	Mão Điền
534	29E-67349	QL17	Mão Điền
535	99C-22559	QL17	Mão Điền
536	99A-25936	QL17	Mão Điền
537	19B-16546	QL17	Mão Điền
538	99C-29664	QL17	Mão Điền
539	50N-07168	QL17	Mão Điền
540	20R-01824	QL17	Mão Điền
541	99E-01533	QL17	Mão Điền